

Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

ML019

Cô Xuyên - dktxuyen@ctu.edu.vn

Đánh giá học phần

10% Chuyên cần

40% Tự luận đề mở (Chương 2) 50% Trắc nghiệm (40 câu đ𝐞̂ đóng)

Mở đầu

1. Ngày thành lập Đảng

⇒ 3/2/1930

2. Tên của Đảng qua các thời kỳ 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam 10/1930, Đảng Cộng sản Đông Dương 2/1951, Đảng lao động Việt Nam 12/1976, Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Chủ tịch nước Cộng hòa XHCNVN hiện nay

Đang chờ Quốc hội Việt Nam

4. Chủ tịch Chủ tịch nước Cộng hòa XHCNVN đầu tiên

Tôn Đức Thắng

5. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa XHCNVN hiện nay

Phạm Minh Chính (Quốc hội Việt Nam khóa XV)

6. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa XHCNVN đầu tiên

Phạm Văn Đồng

7. Tổng bí thư hiện nay của Đảng CSVN

⇒ Nguyễn Phú Trọng từ 2011 đến nay (Từ Đại hội XI)

8. Tổng bí thư đầu tiên của Đảng CSVN

⇒ Trần Phú nhiệm kỳ 1930 -1931 (Hội nghị lần I)

9. Tổng bí thư thứ 2 của Đảng CSVN

⇒ Lê Hồng Phong nhiệm kỳ 1935 - 1936 (Đại hội I)

10. Tổng bí thư thứ 3 của Đảng CSVN

⇒ Hà Huy Tập nhiệm kỳ 1936 - 1938

11. Tổng bí thư thứ 4 của Đảng CSVN

⇒ Nguyễn Văn Cừ nhiệm kỳ 1938 - 1940

12. Tổng bí thư thứ 5 của Đảng CSVN

⇒ Trường Chinh (Đại hội II)

13. Tổng bí thư Trường Chinh

⇒ Tổng bí thư được bổ nhiệm 2 nhiệm kỳ không liên tiếp lần thứ nhất: 1941 – 1956,

lần thứ hai: 1986 Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam từ năm 1981 đến năm 1987

Ông có vai trò quan trọng trong cải cách ruộng đất

14. Đảng CSVN là Đảng CSVN là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản

14. Các văn kiện của Đảng CSVN

⇒ Cương lĩnh ⇒ Đường lối ⇒ Chủ trương ⇒ Chính sách

15. Cương lĩnh

⇒ mục tiêu, giải pháp trong 1 thời gian dài

16. Cương lĩnh chính trị của Đảng CSVN

⇒ 5 cương lĩnh

1.Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng CSVN (2/1930)

2.Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (10/1930)

3. 3.Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951)

4.Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng CSVN (6/1991)

5.Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)

17. Các loại đường lối

Đường lối đối nội, đối ngoại Đường lối chung, xuyên suốt Đường lối cho từng thời kỳ lịch sử

Đường lối trên từng lĩnh vực lịch sử

18. Chủ trương

⇒ Mục tiêu, giải pháp trong 1 thời gian ngắn

19. Chức năng của môn học lịch sử Đảng CSVN

⇒ Nhận thức, giáo dục, dự báo và phê phán

20. Nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng CSVN

Trình bày có hệ thống cương lĩnh, đường lối của Đảng Tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng Tổng kết lịch sử của Đảng

Làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức từ trung ương đến cơ sở

Chương 1

I. Đảng CSVN ra đời và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930)

1. Bối cảnh thế giới

- Sự chuyển biến của CNTB ở phương Tây (tự do cạnh tranh => Đế quốc chủ nghĩa)
- Phong trào đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa + Phong trào đấu tranh của giai

cấp vô sản

- Chủ nghĩa Mác - Lê nin ra đời => ĐCS ra đời (sự tất yếu khách quan là sự kết hợp của CNXHKH + phong trào đấu tranh)
- Thắng lợi của cách mạng tháng 10 Nga (1917) và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (1919)

2. Tình hình Việt Nam

- Chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp
- Tình hình giai cấp và mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội
- Phong trào yêu nước theo 2 khuynh hướng: phong kiến và dân chủ tư sản

3. Chính sách cai trị của thực dân Pháp

- Độc quyền về kinh tế (2 cuộc khai thác thuộc địa lần 1 (1897-19140), lần 2 (19191929))
- Chuyên chế về chính trị (chia đế trị)
- Nô dịch, ngu dân về văn hóa

4. Tình hình giai cấp

- Địa chủ: bị phân hóa: 1 bộ phận làm tay sai, 1 bộ phận yêu nước
- Nông dân: đồng đảo, bị bóc lột nặng nề, là lực lượng quan trọng, có tinh thần yêu nước cảm thù thực dân Pháp
- Công dân: ra đời sau gắn liền với cuộc khai thác thuộc địa lần 1 (1897- 1914) là lực lượng non trẻ, bị áp bức bóc lột nặng nề, giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng (có tinh thần cách mạng rất triệt để).
- Tư sản: Tư sản mại bản, Tư sản yêu nước
- Tiêu tư sản: bị chèn ép, không kiên định, không có khả năng lãnh đạo

5. Mâu thuẫn giai cấp chủ yếu cuối XIX - đầu XX

- Dân tộc VN >< Chủ nghĩa đế quốc xâm lược (là mâu thuẫn chủ yếu nhất)
- Nhân dân VN (cụ thể là giai cấp nông dân) >< Giai cấp địa chủ phong kiến

6. Phong trào yêu nước cuối XIX - đầu XX

PTYN khuynh hướng phong kiến: thất bại (trước khi có Đảng)

- Phong trào Càn Vương (vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết)
- Khởi nghĩa Yên Thế (Hoàng Hoa Thám)

PTYN khuynh hướng tư sản: bất lực

- Phong trào Đông Du: Phan Bội Châu theo xu hướng **bạo động** (dựa vào Nhật đánh đuổi Pháp) (1912 thành lập VN Quang Phục hội)
- Phong trào Duy Tân: Phan Châu Trinh theo xu hướng **cải cách** (khai dân trí; chấn dân khí; hậu dân sinh)
- Nguyên nhân thất bại: mạnh ai nấy làm; không có khả năng tập hợp được sức mạnh dân tộc; không xác định được con đường đấu tranh, nội dung đường lối đúng đắn)

PTYN khuynh hướng vô sản

⇒ Cách mạng Việt Nam khủng hoảng

7. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

- Tìm đường cứu nước đúng đắn
- Chuẩn bị mọi điều kiện thành lập Đảng
- Hợp nhất 3 tổ chức CS và cho ra đời Cương lĩnh đầu tiên của Đảng

8. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước đúng đắn

- 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước
- 1917, Người tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường CMT10 Nga, và về V.Lênin 1919, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, gửi tới Hội nghị Versai bản Yêu sách của nhân dân An Nam (Yêu sách 8 điểm)(lần đầu tiên kí tên là Nguyễn Ái Quốc)
- 7/1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lenin
- 12/1920, Tham dự Đại hội Toa bỏ phiếu tán thành Quốc tế 3

Mục đích ra đi tìm đường cứu nước: tìm được con đường giành độc lập cho đất nước, giải phóng tự do; dân chủ của dân tộc (tình cảm yêu nước gắn liền với lòng yêu thương con người)

9. Nguyễn Ái Quốc truyền bá CN Mác- Lênin vào VN

Tổ chức: 6/1925 thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh Niên (tiền thân ĐCS VN) Tư tưởng chính trị:

- Bản án chế độ thực dân Pháp
- Báo Sự Thật của Đảng Cộng sản Liên Xô
- Tạp chí thư tín quốc tế
- Báo “Người cùng khổ”

10. Tác phẩm Đường Kách Mệnh

- Ra đời năm 1927
 - Đề cập đến những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị
- ⇒ Chuẩn bị về tư tưởng chính trị cho việc thành lập Đảng
- ⇒ Có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn đối với cách mạng Việt Nam
- ⇒ Xác định được những vấn đề cơ bản của CM VN (được xem như một cương lĩnh chính trị)

11. Các tổ chức Cộng sản ra đời

- Trước Chiến tranh thế giới I: đấu tranh sơ khai
 - 1919 - 1925: Phong trào công nhân diễn ra dưới các hình thức đình công, bãi công đòi tăng lương, bỏ đánh đập
 - 1926 - 1929: có tổ chức lãnh đạo; mang bản chất chính trị rõ rệt; có sự liên kết
- ⇒ Đầu tranh vẫn mang tính tự phát
- 6/1929, Đông Dương Cộng sản đảng
 - Mùa thu 1929, An Nam Cộng sản đảng

- 9/1929, Đông Dương Cộng sản liên đoàn

12. Hội nghị thành lập Đảng Thời gian: 6/1 - 7/2/1930

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) quyết định lấy ngày 3/2 làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng

Thành phần:

- 1 đại biểu của Quốc tế Cộng sản
- 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng
- 2 đại biểu của An Nam Cộng sản đảng

Nội dung:

1. Bỏ thành kiến, thành thật hợp tác → thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương
2. Định tên Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam
3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng
4. Định kế hoạch thống nhất
5. Cử Ban Chấp Hành Trung ương lâm thời

13. Ý nghĩa: Hội nghị có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng

⇒ 24/02/1930, Hoàn thành việc họp nhất

Nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

(Chánh cương văn tắt của Đảng, Sách lược văn tắt của Đảng)

14. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng CSVN

- Mục tiêu chiến lược: Tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m → xã hội cộng sản
- Nhiệm vụ cách mạng: Dân tộc (đấu tranh giải phóng dân tộc) và Dân chủ (đánh đổ phong kiến)
 - o Nhiệm vụ chủ yếu: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến
 - o Về xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền,... phổ thông giáo dục theo công nông hóa
 - o Về kinh tế: thủ tiêu hết các thứ quốc trái, tịch thu sản nghiệp lớn và ruộng lớn của TB ĐQ CN Pháp, bô suru thuế cho dân cày nghèo,....
- Lực lượng cách mạng: Công nhân & Nông dân là lực lượng cơ bản + đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước ⇒ toàn dân
- Phương pháp cách mạng: bạo lực cách mạng
- Quan hệ với cách mạng thế giới: CMVN liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới
- Lãnh đạo cách mạng: giai cấp công nhân (Đảng Cộng sản là đội tiên phong)
 - Ý nghĩa lịch sử về việc thành lập DCS VN
- Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và CMVN trở thành 1 bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

- **Câu hỏi: Tại sao ĐCS VN ra đời chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước**

Đảng cộng sản Việt Nam ra đời thì chấm dứt thời kì khủng hoảng đường lối cách mạng là vì:

- Trước khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, nước ta có 3 tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản Liên Đoàn. Điều này đã khiến lực lượng cách mạng ở đất nước ta bị phân tán, khó có thể thống nhất về tư tưởng và hành động. Việc tập hợp 3 đảng thành 1 đảng sẽ đường lối cách mạng của chúng ta thống nhất.
- Thứ hai, khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời thì giai cấp công nhân Việt Nam nắm hoàn toàn quyền lãnh đạo, đây là giai cấp mang sứ mệnh quan trọng trong việc gìn giữ và xây dựng đất nước. Hơn nữa, với sự lãnh đạo đứng đầu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thì Đảng và đất nước Việt Nam đã có đường lối cách mạng khoa học, sáng tạo theo phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Định hình về quá trình ra đời của ĐCS ở VN

ĐCSVN = CN Mác - Lê nin + phong trào CN + phong trào yêu nước

- Đã có cương lĩnh chính trị đầu tiên là bước vận dụng CN Mác - Lê nin vào thực tiễn CMVN 1 cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới
 - Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc VN là đường cách mạng vô sản
 - Bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc VN
- ⇒ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng VN tiến lên

II. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931

Hoàn cảnh:

- Phong trào CMTG lên cao
- TD Pháp tăng cường bóc lột, khủng bố ⇒ mâu thuẫn dân tộc lên cao
- Đảng lãnh đạo cách mạng

Điễn biến:

- 1 - 4/1930: giai cấp công nhân bãi công + phong trào nông dân
- Từ 5/1930: Phong trào cách mạng ⇒ cao trào
- 9/1930: Phong trào cách mạng ⇒ đỉnh cao ⇒ Chính quyền Xô viết
- Đầu 1931, phong trào cách mạng ⇒ thoái trào

Ý nghĩa:

- Khẳng định thực tế sự lãnh đạo của Đảng

- Rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên

2. **Luận cương chính trị của ĐCS Đông Dương 10/1930**

- Hội nghị lần thứ nhất của Đảng (14-31/10/1930) đổi tên Đảng thành ĐCS Đông Dương, Trần Phú làm tổng bí thư đầu tiên lập Luận cương chính trị của ĐCS Đông Dương 10/1930
- Vấn đề cơ bản luận cương chính trị
 - o Phương hướng chiến lược: thực hiện cách mạng tư sản dân quyền bở qua THỜI KỲ TƯ BỐN — XHCN
 - o Nhiệm vụ cốt yếu:
 - Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để
 - Đánh đổ ĐQCN Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập “Vấn đề thổ địa là cái cốt của cuộc CMTS dân quyền”
 - o Lực lượng cách mạng: Giai cấp công nhân và nông dân là lực lượng gốc, các thành phần khác từ lao khổ ở thành thị
 - o Lãnh đạo cách mạng: giai cấp vô sản (ĐCS là đội tiên phong)
 - o Phương pháp cách mạng: Võ trang bạo động
 - o Quan hệ với cách mạng thế giới: CMVN là 1 bộ phận của cách mạng thế giới

3. Giữa LCCT (10/1930) và CLCT đầu tiên (2/1930) có những mặt thống nhất và khác nhau cơ bản nào?

Thống nhất

- Phương hướng chiến lược: đều thực hiện CM tư sản dân quyền → XHCN độc lập dân tộc gắn liền với CNXH
- Nhiệm vụ cốt yếu: đánh đổ phong kiến, đánh đổ đế quốc
- Lực lượng cách mạng: giai cấp công nhân và giai cấp nông dân là nòng cốt
- Lãnh đạo cách mạng: giai cấp vô sản (ĐCS là đội tiên phong)
- Phương pháp cách mạng: Võ trang bạo động = bạo lực cách mạng
- Quan hệ với CMTG: CMVN là 1 bộ phận của CMTG

Khác nhau

- Phương hướng chiến lược: LCCT bỏ qua thời kỳ tư bốn
- Nhiệm vụ cốt yếu:
 - o LCCT: đánh đổ pk và để giải phóng dân tộc gắn chặt nhau, vấn đề thổ địa là cốt của cuộc CMTS dân quyền
 - o CLCT: đấu tranh giải phóng dân tộc là hàng đầu
- Lực lượng cách mạng:
 - o LCCT : Các thành phần khác từ lao khổ ở đô thị
 - o CLCT: toàn dân
- Lãnh đạo cách mạng:

- LCCT làm rõ hơn vai trò của ĐCS
- LCCT không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của XHVN thuộc địa không nhấn mạnh giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

4. Nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau giữa LCCT (10/1930) và CLCT đầu tiên (2/1930)

⇒ Do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh 1 chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản

⇒ Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc

⇒ Áp dụng rập khuôn chủ nghĩa Mác – Lenin vào CMVN

5. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng

- 1931 phong trào cách mạng ⇒ thoái trào

- Chương trình hành động của ĐCS Đông Dương 6/1932

→ ĐCS hoạt động bí mật, lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh để khôi phục hệ thống tổ chức Đảng và PTCM

- Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương (3/1933 - Hà Huy Tập)

→ Bước đầu tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng

- Ban chỉ huy ở ngoài của ĐCS Đông Dương (đầu 1934)

→ Lãnh đạo, chỉ đạo PTCM trong nước

6. Đại hội Đảng lần thứ I (tháng 3/1935)

- Đảng ta khẳng định niềm tin vào chiến thắng của CM với nhân dân

- Đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt:

○ Củng cố và phát triển Đảng

○ Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng

○ Mở rộng tuyên truyền, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng TQ

- Thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng nhân dân

- Bầu BCH TW mới (13 đồng chí: 4 ng dự bị, 9 ng chính thức, Nguyễn Ái Quốc là ng dự bị) và đoàn đại biểu dự Đại Hội VII của Quốc tế cộng sản

→ Lê Hồng Phong làm tổng bí thư

⇒ Đánh dấu sự thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức cơ sở đảng và các PTCM của quần chúng nhân dân → Tạo điều kiện để bước vào một cao trào CM mới

⇒ Chưa đề ra một chủ trương chiến lược phù hợp với thực tiễn cách mạng VN, chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tập hợp lực lượng toàn dân tộc

7. Điều kiện lịch sử phong trào dân chủ 1936 - 1939

Thế giới

- Khủng hoảng kinh tế 1936 - 1939 → GCTS chủ trương dùng bạo lực đàn áp và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường
- Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và tạm thắng thế tại một số nơi
- Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcova (Liên Xô) (7/1935)
 - Kẻ thù nguy hiểm trước mắt: chủ nghĩa phát xít
 - Nhiệm vụ trước mắt: chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình và dân chủ Việt Nam

Trong nước: Mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra.

8. Chủ trương của Đảng trong thời kỳ 1936 - 1939

⇒ Định lại chính sách mới

- 26/7/1936, BCH TW Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải, nhằm “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản
 - Kẻ thù: bọn thực dân và tay sai
 - **Nhiệm vụ trước mắt: chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình**
 - Lập Mặt trận nhân dân phản đế → Mặt trận dân chủ Đông Dương
 - Đoàn kết quốc tế kết hợp chặt chẽ GCCN và DCS
 - Hình thức tổ chức và đấu tranh: công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp
- Trong văn kiện Chung quanh vấn đề chiến sách mới (10/1936), Đảng nêu qua điểm: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa”
 - * Lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn giải quyết trước
 - * Nêu cao tinh thần đấu tranh, thắng thắn phê phán quan điểm chưa đúng và bước đầu khắc phục hạn chế trong LCCT 10/1930
 - * Phù hợp với tinh thần trong CLCT 2/1930

Tác phẩm “Tự chỉ trích” tác giả Nguyễn Văn Cừ

9. Bối cảnh lịch sử thời kỳ phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945

Thế giới

- 1/9/1939, CTTT thứ 2 bùng nổ
- 6/1940, Đức tấn công Pháp, Pháp đầu hàng
- 6/1941, Đức tiến công Liên Xô

Việt Nam

- Bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố
- Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách tăng cường vơ vét

sức người, sức của để phục vụ cho chiến tranh để quốc

- 22/9/1940, Nhật vào Đông Dương
- 23/9/1940, Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương ⇒ Nhân dân phải chịu cảnh “Một cỗ hai tròng” Pháp - Nhật

- 11/1939, Hội nghị BCH TW Đảng lần VI → Bắt đầu chủ trương chiến lược mới
 - 11/1940, Hội nghị BCH TW Đảng lần VII (Từ Sơn – Bắc Ninh)
 - Đánh đổ đế quốc xâm lược // đánh đổ phong kiến
 - Hội nghị quyết định:
 - Phát triển ảnh hưởng của khởi nghĩa Bắc Sơn
 - Hoãn cuộc khởi Nam Kì
 - ➔ TW Đảng chưa thật sự dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu
 - 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước và dừng chân ở Cao Bằng
 - 5/1941, Hội nghị BCH TW Đảng lần VIII (Cao Bằng) → Hoàn chỉnh chủ trương chiến lược mới:
 - Giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc VN với đế quốc Pháp và phát xít Nhật (DQ xâm lược) => Phải giải quyết
 - Chủ trương “phải thay đổi chiến lược” đặt nhiệm vụ GPDT lên hàng đầu
 - Giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, “Dân tộc tự quyết”
 - Chủ trương tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc: Toàn dân “cứu quốc”
 - Chủ trương sau khi CM thành công sẽ thành lập nước VN Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần dân chủ
 - Xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm
 - Phản ánh lãnh đạo đúng đắn của Đảng
 - Ảnh hưởng đến thắng lợi sau này
 - Bầu Trường Chinh (2 lần làm tổng bí thư không liên tiếp sau hội nghị TW đặc biệt 7/1986) làm tổng bí thư kế nhiệm Nguyễn Văn Cừ
- 10. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang 1939 - 1945**
- 25/10/1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời
 - Về tư tưởng 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam do Trường Chinh soạn thảo
 - Xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng
 - 3 nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng
 - Như 1 bản tuyên ngôn về văn hóa trước CMT8 6/1944, Đảng Dân chủ Việt Nam được thành lập
 - 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời
 - 6/1944 Đảng Dân chủ VN ra đời
 - Về lực lượng vũ trang
 - Duy trì đội du kích Bắc Sơn sau đó mở rộng thành đội Cứu quốc quân
 - Đội vũ trang (Cao Bằng – cuối 1941)

- Đội VN tuyên truyền giải phóng quân tiền thân QĐNDVN (22/12/1944) (Cao Bằng)
- Mở rộng khu căn cứ địa Cao – Bắc – Lạng

11. Cao trào kháng Nhật cứu nước 1939 - 1945

Đầu 1945, CTTG thứ II bước vào giai đoạn kết thúc

- ⇒ Phát xít Nhật đảo chính TD Pháp (9/3/1945)
- ⇒ Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945)
- ⇒ Xác định kẻ thù trực tiếp là PX Nhật → Cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ
- ⇒ 4/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc thành lập hình ảnh thu nhỏ nước VN mới (6 tỉnh: Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái)

12. Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” (12/3/1945)

Nhận định: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy vậy, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho điều kiện khởi nghĩa chín muồi

- Kẻ thù trực tiếp: PX Nhật
- Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước → Tổng khởi nghĩa
- Đưa ra nhiều hình thức đấu tranh mới quyết liệt hơn
- Dự kiến các tình huống cho Tổng khởi nghĩa để phát huy tính tích cực chủ động cho cán bộ địa phương
- ⇒ Có ý nghĩa chỉ đạo cụ thể thúc đẩy tinh thần cách mạng trực tiếp chín muồi, nhanh chóng góp phần vào thắng lợi của CMT8 1945

13. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

- 8/1945, CTTG II kết thúc → Thời cơ 13/8/1945, phát lệnh tổng khởi nghĩa toàn quốc
- 13 - 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc (Tân Trào) UBKN toàn quốc quyết định phát động tổng khởi nghĩa
- Nguyên tắc: Tập trung, Thống nhất, Kịp thời
- 4 tỉnh giành chính quyền sớm nhất: Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam
- 19/3, Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng
- 23/8, Huế giành chính quyền
- 24/8, Sài Gòn chiếm được các công sở
- 2/9/1945, Bác đọc Tuyên Ngôn Độc Lập
- * HCM trình trong tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời

14. Tính chất của phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945

CMT8/1945 cuộc cách mạng giải phóng dân tộc diễn hình

- Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc

- Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc”
- Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc

15. Ý nghĩa phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945

- Đập tan xiềng xích nô lệ của TD Pháp + lật nhào chế độ quân chủ phong kiến + đánh thắng đế quốc Pháp & phát xít Nhật
- Lập nên Nước Việt Nam Dân Chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á → Nhân dân VN từ tham biện nô lệ trở thành người làm chủ
- Đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc VN: đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới (độc lập, tự do → CNXH)
- Làm phong phú thêm kho tàng lý luận mác - Lê nin + cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báo cho phong trào giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ trên thế giới
- Hỗ trợ, thúc đẩy và phát triển phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước trên bán đảo Đông Dương & nhiều nước khác trên thế giới

16. Bài học kinh nghiệm phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945

↔ Về chỉ đạo chiến lược

↔ Xây dựng Đảng

↔ Xây dựng lực lượng

↔ Phương pháp cách mạng

Chương 2

I. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)

1. Những thuận lợi của tình hình Việt Nam sau CMT8/1945

Thế giới

- Hệ thống XHCN hình thành
- Phong trào cách mạng giải phóng dân tộc phát triển
- Phong trào dân chủ và hòa bình phát triển

Trong nước

- Chính quyền dân chủ nhân dân được thành lập
- LLVTND được tăng cường
- Nhân dân tin vào chính quyền cách mạng

⇒ Những thuận lợi cơ bản để bảo vệ, giữ vững chính quyền cách mạng

2. Những bất lợi của tình hình Việt Nam sau CMT8/1945

Thế giới

Phe ĐQCN nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”

⇒ Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn không ủng hộ lập trường độc

lập và công nhận địa vị pháp lý của nhà nước Việt Nam DCCH

⇒ Cách mạng VN đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách hết sức to lớn và nghiêm trọng

Viet Nam

- Hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt
- Nhà nước VNDCCH tiếp quản 1 nền kinh tế xơ xác tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa
- Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng
- Các hủ tục lạc hậu, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục
- 95% dân số thất học, mù chữ
- Nạn đói 1944 - 1945 làm 2 triệu người chết đói
- 2/9/1945, quân Pháp đã trắng trợn gậy hán
- Tháng 9/1945, 2 vạn quân đội Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn
- 23/9/1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ II của TD Pháp ở Việt Nam
- Tháng 8/1945, 20 vạn quân đội của Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ
- Trong khi đó trên đất Việt vẫn còn 6 vạn quân Nhật chưa được giải gáp
- ⇒ Đặt nền chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, cùng 1 lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và thù trong, giặc ngoài.

3. Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

3/9/1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên

→ Xác định nhiệm vụ lớn trước mắt: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm 25/11/1945, BCH TW Đảng ra *Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc*

4. Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25/11/1945)

Chỉ đạo chiến lược “dân tộc giải phóng” với khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết” Kẻ thù chính: TD Pháp xâm lược

- Nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt:
 - Củng cố chính quyền (Nhiệm vụ bao trùm)
 - Chống TD Pháp xâm lược
 - Bài trừ nội phản
 - Cải thiện đời sống nhân dân
- Biện pháp:
 - Nội chính: Xúc tiến bầu cử Quốc hội, thành lập chính phủ chính thức, lập Hiến pháp, củng cố chính quyền
 - Quân sự: lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, kháng chiến lâu dài
 - Chính trị: kiên trì nguyên tắc độc lập

- Ngoại giao: bình đẳng tương trợ, thêm bạn bớt thù
- Tuyên truyền: kêu gọi đoàn kết chống TD Pháp

5. Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng

- 6/1/1946, Người dân cả nước đi bỏ phiếu bầu quốc hội khóa I 2/3/1946, Phiên họp đầu tiên của quốc hội khóa I
- 3/11/1946, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Hồ Chí Minh làm chủ tịch ra mắt quốc dân

6. Những biện pháp cụ thể để giải quyết nạn đói của Đảng ta

- “Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa” Lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức “Tuần lễ vàng” Bãi bỏ nhiều thứ thuế vô lý
- Sửa chữa đê điều, tổ chức khuyến nông
- Tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đất hoang hóa chia cho nông dân nghèo Nhà máy, công xưởng được khuyến khích đầu tư khôi phục
- Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam
 - Sản xuất nông nghiệp có bước khởi sắc
 - Sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt cả về diện tích và sản lượng
 - Nhà máy, công xưởng, hàm mỏ hoạt động trở lại
- * Đầu 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi

7. Những biện pháp cụ thể để giải quyết nạn đốt của Đảng ta

- Phát động phong trào “Bình dân học vụ” Toàn dân học chữ quốc ngữ
- Vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới
- Các trường học lần lượt khai giảng năm học mới
 - Cuối 1946, 2,5 triệu người biết đọc và viết chữ quốc ngữ
 - Đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ
 - Đời sống tinh thần của 1 bộ phận nhân dân được cải thiện
 - Nhân dân tin vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng

8. Những biện pháp cụ thể về quân sự của Đảng ta

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng → tập trung chống Pháp ở Nam Bộ Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam được thành lập
Thành lập Hội đồng cố vấn Chính Phủ

Tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh Lực lượng vũ trang cách mạng được củng cố và tổ chức lại Tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men Củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng
→ Cuối 1946, VN có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở

9. Những sách lược giải quyết giặc ngoại xâm của Đảng ta

- Sách lược hòa hoãn, nhân nhượng với kẻ thù
- 9/1945 - 3/1946, tạm hòa với Tưởng để đánh Pháp ở nam bộ “Hoa - Việt thân thiện”
 - Nhân nhượng quân Tưởng về kinh tế và chính trị
- 3/1946 - 12/1946, tạm hòa với Pháp để đuổi Tưởng

- Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế
- Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3/3/1946)
- 6/3/1946, ký Hiệp định sơ bộ (không là hiệp định chính thức) với Pháp
- 9/3/1946, Đảng ban hành chỉ thị Hòa đế tiến
- 14/9/1946, ký với Pháp bản Tạm ước nhường cho pháp một số lợi ích về kinh tế (chứng minh sự mềm dẻ, linh hoạt về ngoại giao của Đảng)
- 19/10/1946, HNQS toàn quốc lần I

10. Nguyên nhân Đảng ta từ tạm hòa hoãn với Tưởng sang hòa hoãn với Pháp

- 28/2/1946, Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (Hiệp ước Hoa - Pháp)
 - Pháp đưa quân đội ra Bắc thay thế quân Tưởng
 - Pháp nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng
 - 1 bản hiệp ước bán rẻ lợi ích dân tộc, chà đạp lên nền độc lập của VN, hợp pháp hóa hành động xâm lược của TD Pháp ra miền Bắc.

* Chính phủ và nhân dân VN đứng trước 1 tình thế nguy hiểm 3/3/1946 Chỉ thị Tình hình và chủ trương

→ “dàn hòa với Pháp”, nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của VN

- 6/3/1946, Hiệp định sơ bộ

→ Pháp công nhận VN là 1 quốc gia tự do

→ Đồng ý cho Pháp ra Bắc thay thế quân đội Tưởng và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm

- Thường vụ TW Đảng đã ra bản Chỉ thị Hòa đế tiến

→ Tiếp tục nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng

→ sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào 14/9/1946, Tạm ước 14/9

→ Nhân nhượng thêm cho Pháp 1 số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở VN

11. Tổ chức cuộc kháng chiến chống TD Pháp xuân lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

- 2/9/1945, Pháp khiêu khích trắng trợn ở Sài Gòn
- 23/9/1945, Pháp chiếm Nam Bộ → Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ bắt đầu
 - * **“Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”**

Chỉ trong 16 tháng (từ cuối 9/1945 đến 12/1946), Đảng và Chính phủ đã có những chủ trương đúng đắn và sáng suốt... đã đưa cách mạng VN vượt qua cơn hiểm nghèo, vượt qua tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, đưa cách mạng VN đi lên và tiếp tục giành những thắng lợi mới

“Triết lý lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc”

12. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Về phía Pháp

- Liên tục khiêu khích, lấn chiếm địa phận của ta (Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng...) → Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ
 - Vụ thảm sát ở phố Yên Ninh, Hàng Bún (Hà Nội)
 - Gửi tối hậu thư → đòi quyền kiểm soát Hà Nội

Về phía ta

- Ta không nhượng nhượng được
- Toàn dân kháng chiến (12/12/1946)
- 18/12/1946, Ban Thường vụ TW Đảng họp HN mở rộng → phát động kháng chiến trên cả nước
 - Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (Đêm 19/2/1946 - HCM)

13. Quá trình hình thành cuộc kháng chiến toàn quốc

- Chỉ thị “Kháng chiến kiên quyết” (25/11/1945)
- Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3/3/1946)
- Chỉ thị Hòa đế tiến (9/3/1946)
- Hội nghị quân sự toàn quốc lần I (19/10/1946)
- HCM đã nêu những công việc khẩn cấp chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến (11/1946)

14. Nội dung cuộc kháng chiến toàn quốc

- Toàn dân kháng chiến (TW Đảng, 12/12/1946)
- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (Đêm 19/2/1946 - HCM)
- “Kháng chiến nhất định thắng lợi” (Trường Chinh - 1947) (quan trọng nhất)

15. Nội dung đường lối kháng chiến của Đảng

- Mục tiêu: đánh đổ TD Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc
- Tính chất: dân tộc giải phóng và dân chủ mới
- Phương châm: Cuộc chiến tranh nhân dân; kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính
- Triển vọng: nhất định thắng lợi

16. Vì sao phải kháng chiến toàn dân

- Từ tư tưởng chiến tranh nhân dân của HCM
- Phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc.
- Toàn dân tham gia mới thực hiện được kháng chiến trường kì và tự lực cánh sinh.
- Xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Có lực lượng toàn dân, tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

17. Vì sao phải kháng chiến toàn diện

- Chúng ta chống địch toàn diện trên mọi mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao,...
- Do địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống lại chúng toàn diện. Cuộc kháng chiến

của ta bao gồm cuộc đấu tranh trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế... nhằm tao ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, ta vừa “kháng chiến” vừa “kiến quốc”, tức là xây dựng chế độ mới nên phải kháng chiến toàn diện.

18. Vì sao phải kháng chiến lâu dài

- Chúng ta cần có sự chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị về lương thực thực phẩm, vũ khí cho cuộc chiến, vì so sánh lực lượng của chúng ta còn yếu kém.
- So sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về nhiều mặt, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta, tiến lên đánh bại kẻ thù.

19. Vì sao phải kháng chiến dựa vào sức mình

- Mặc dù cần có sự hỗ trợ từ bên ngoài nhưng vận mệnh của đất nước vẫn do chúng ta tự quyết định. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, sẵn sàng đặt quan hệ với các nước.
- Mặc dù ta rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ của bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm vào.

20. Tổ chức, chỉ đạo về quân sự trong cuộc kháng chiến (1947 - 1950)

Về chính trị:

Hội nghị cán bộ Trung ương (6/4/1947):

- Mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất chống TD Pháp
- Củng cố chính quyền nhân dân
- Phát động chiến tranh du kích
- Đẩy mạnh công tác ngoại giao
- Tăng cường công tác xây dựng Đảng

Về quân sự:

- Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 (do Pháp chủ động mở)
- Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp (Ban Thường vụ TW Đảng - 15/7/1947)
 - Bảo vệ được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến
 - Đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của TD Pháp
 - Đảng chỉ đạo: Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện → làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của TD Pháp”
 - Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự (HCM - 11/1949)
- Lực lượng 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích)
- Đảng chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến
 - Chiến thắng La Ngà, Nghĩa Lộ, Tàm Vu, Đồng Dương (1948) TD Pháp:

- Nam Bộ - chiến thuật mạng nhện
- Xứ ủy Nam Bộ: Chiến tranh du kích + đặc công
- Hiệp định về quan hệ Pháp - Việt (3/1949) (hiệp định giữa vua Bảo Đại và chính phủ Pháp)
 - “Quốc gia Việt Nam” (7/1949) → 1 chính phủ bù nhìn → hợp thức hóa việc xâm lược
- Giữa 1949, tướng Rove: kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng và trung du Bắc Bộ
- Chiến dịch Biên Giới thu đông (1950) (do chúng ta chủ động mở)(giúp ta khai thông biên giới Việt – Trung)

21. Tổ chức, chỉ đạo về ngoại giao trong cuộc kháng chiến (1947 - 1950)

Đảng chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước XHCN

- VNDCCH - Trung Quốc (18/1/1950)
- VNDCCH - Liên Xô (30/1/1950)
- VNDCCH - các nước dân chủ nhân dân Đông Âu
- VNDCCH - Triều Tiên (2/1950)

Đảng chủ trương: “mở rộng mặt trận Lào - Miền”

22. Đại hội đại biểu lần thứ II

Diễn ra: 11 - 19/2/1951, Tuyên Quang

→ Đại hội đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam

* “Đại hội kháng chiến, kiến quốc” Đại hội quyết định

- Thành lập Đảng Lao động Việt Nam
- Đảng tuyên bố ra công khai
- Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam

Nhiệm vụ trước mắt: tiêu diệt TD Pháp, đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới

23. Nội dung chính cương của Đảng Lao động Việt Nam (2/1951)

* Cương lĩnh kháng chiến

- Tính chất xã hội: dân chủ nhân dân, 1 phần thuộc địa và nửa phong kiến
→ đấu tranh lẩn nhau (DCND >< TĐ)
- Đồi tượng cách mạng: ĐQ Pháp và bọn Mỹ can thiệp, phong kiến phản động
- Nhiệm vụ: Giải phóng dân tộc, xóa bỏ tàn dư phong kiến, xây dựng cơ sở vật chất — CNXH
- Đặc điểm cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân → Cách mạng XHCN
- Động lực cách mạng: công - nông - trí + các giai cấp yêu nước; → toàn dân GCCN: lãnh đạo cách mạng → Giống CLCT đầu tiên
- Triển vọng: nhất định thắng lợi → CNXH
- Con đường đi lên CNXH (3 gđ): Hoàn thành giải phóng dân tộc → Hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân → Xây dựng cơ sở vật chất CNXH, tiến lên CNXH

- Chính sách: 15 chính sách lớn
- Quan hệ quốc tế: tranh thủ sự giúp đỡ của các nước XHCN và nhân dân thế giới

24. Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về quân sự

Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự

- Trung du và đồng bằng Bắc Bộ (đầu 1951)
- Chiến dịch Hòa Bình (12/1951)
- Chiến dịch Tây Bắc (thu đông/1952)
- Chiến trường Liên khu V: chiến tranh du kích (Tây Nguyên, Bắc Quảng Nam, Khánh Hòa, Nam Bình Thuận,...)
- Nam Bộ: tập kích, phục kích, đánh đặc công
- Chiến dịch Thượng Lào

25. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

TD Pháp dốc sức tìm lối thoát trong danh dự

- Kế hoạch Nava
- Chi phí do Mỹ cấp
- Tập đoàn, cứ điểm Điện Biên Phủ

Đảng → cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954

- Đại tướng Võ Nguyên Giáp
- Tấn công địch đồng loạt
- “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”

26. Mặt trận Điện Biên Phủ

- Kế hoạch Nava nguy cơ phá sản
→ TD Pháp xây dựng Điện Biên Phủ - trung tâm điểm kế hoạch Nava
- Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, gồm 49 cứ điểm, 3 phân khu, 16.200 quân, trang bị hiện đại
- Pháp + Mỹ: “Điện Biên Phủ là pháo đài không thể công phá”

→ Một cỗ máy để nghiền nát Việt Minh

27. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ

→ Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và cuộc kháng chiến chống TD Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang

* TD Pháp - Hội nghị Giơnevơ - chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương

28. Hiệp định Giơnevơ

- Ngày ký kết: 21/7/1954
- Ngừng bắn trên bán đảo Đông Dương
- Các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia
- Pháp rút quân khỏi 3 nước ĐD, vĩ tuyến 17 là vĩ tuyến quân sự tạm thời của Việt Nam và quân đội Pháp
- Tháng 7/1956 → Tổng tuyển cử tự do để thống nhất đất nước

Hội nghị gồm: Đoàn Mỹ, Vương quốc Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Vương quốc Lào, Vương quốc Campuchia, Quốc gia Việt Nam (chính quyền Bảo Đại)

29. Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định geneve

Trong nước

- Làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của TD Pháp
- Kết thúc chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương
- Giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tăng thêm niềm tự hào dân tộc

Quốc tế

- Cỗ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới
- Mở rộng địa bàn, tăng lực lượng cho CNXH và cách mạng thế giới
- Mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới

Kết quả hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ

- Là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào Campuchia
- Đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược
- Mở ra trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân 3 nước Đông Dương sau này

II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) (bỏ MB, tập trung vào k/c MN và ctr phá hoại MB)

1. Hoàn cảnh lịch sử sau tháng 7/1954

Thuận lợi

- Hệ thống XHCN lớn mạnh
- Phong trào giải phóng dân tộc phát triển
- Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao
- Miền Bắc hoàn toàn giải phong
- Thể lực cách mạng lớn mạnh
- Nhân dân có ý chí giành độc lập, thống nhất tổ quốc

Khó khăn (Đặc điểm CM VN)

- Đế quốc Mỹ hùng mạnh
- Chiến tranh lạnh
- Bất đồng trong hệ thống XHCN
- Đất nước bị chia cắt làm 2 miền
 - Miền Bắc: kinh tế nghèo nàn, lạc hậu
 - Miền Nam: thuộc địa kiểu mới của Mỹ
- **Chiến lược Toàn cầu phản cách mạng.** Mục tiêu: trọng tâm là VN
 - Tiêu diệt CNXH

- Đàn áp phong trào cách mạng thế giới
- Lôi kéo đồng minh

2. Chủ trương của Đảng 1954 - 1965

Miền Bắc

- Đưa miền Bắc quá độ lên CNXH
- Phục hồi kinh tế; tiếp tục giảm tô, giảm thuế, cải cách ruộng đất → củng cố miền Bắc
- Kế hoạch 3 năm (1958 - 1960): phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo XHCN
➔ Hậu phương vững mạnh

Miền Nam

- Đầu tranh chính trị
- Nghị quyết bộ chính trị (9/1954)
- Thành lập Xứ ủy Nam Bộ (1954)
→ Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam (8/1956 - Lê Duẩn)
⇒ HNTW15 mở rộng (1/1959) về tình hình cách mạng miền Nam: sử dụng bạo lực cách mạng → Phong trào Đồng Khởi: 17/1/1960, ở Bến Tre, hình thức đồng khởi bùng nổ do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo

3. Nghị quyết Trung ương 15

- Phong trào Đồng Khởi
- Làm tan rã hệ thống chính quyền địch ở nhiều vùng nông thôn
- “Chiến tranh đơn phương” của Mỹ - Diệm thất bại
- Bước nhảy vọt cho cách mạng miền Nam

4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9/1960)

→ Đại hội xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà

- Lê Duẩn làm tổng bí thư
- Đường lối CMVN: thống nhất đất nước, bảo vệ hòa bình
 - Đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc
 - Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam → thống nhất đất nước
- Mục tiêu: giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất Tổ Quốc
- Vị trí, vai trò nhiệm vụ cụ thể:
 - CMXHCN ở miền Bắc: hậu phương → **quyết định nhất** đối với sự phát triển của CMVN và sự nghiệp thống nhất đất nước
 - CMDTDCND ở miền Nam: tiền tuyến → **quyết định trực tiếp** đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước
- Về hòa bình, thống nhất đất nước: hòa bình + đề cao cảnh giác
- Triển vọng: nhất định thắng lợi
- **Về xây dựng CNXH ở miền Bắc: 1 quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt:**

- Kinh tế: công nghiệp hóa XHCN - Nhiệm vụ trung tâm: ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý
 - Tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa
- Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH
- Chính quyền: DCND làm nhiệm vụ của lịch sử chuyên chính vô sản
- **Ý nghĩa Đại hội đại biểu toàn quốc lần III (9/1960)**

Hoàn thành đường lối chiến lược chung của CM VN trong giai đoạn mới

- Tạo được sức mạnh tổng hợp → giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.
- Thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng
- Là cơ sở để Đảng chỉ đạo để quân ta giành thắng lợi ở 2 miền Nam – Bắc.

5. Thực hiện đường lối của Đại hội III (9/1960)

Miền Bắc

- Kế hoạch nhà nước 5 năm lần I (1961 - 1965)
 - Tăng cường chi viện cho miền Nam
- Căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước

Miền Nam

- Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam VN (20/12/1960)
 - Chóng lại chiến lược Chiến tranh đặc biệt
- ĐQ Mỹ: “Chiến tranh đặc biệt” (cố vấn + vũ khí Mỹ + quân chủ lực VNCH) - áp chiến lược
- Kế hoạch Stalây - Taylo (1961 - 1963)
 - Kế hoạch Giônxơ - Mắc Namara (1964 - 1965)

Đảng ta:

- Chỉ thị: Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam
- Khởi nghĩa từng phần → Chiến tranh cách mạng
 - Quân giải phóng miền Nam VN (2/1961)
 - Trung ương cục miền Nam VN (10/1961)
- ⇒ Tăng cường sự chỉ đạo của TWD
- Chiến thắng tiêu biểu: Ấp Bắc, Bình Giả, Ba Gia, Đồng Xoài => dẫn đến sự phá sản, thất bại của chiến lược CTĐB

6. Kết quả thực hiện đường lối của Đại hội III (9/1960)

- Chính trị nội bộ Mỹ khủng hoảng + Việt Nam đánh nhiều trận lớn nhỏ
- 1/11/1963, chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ
- Đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “Chiến tranh đặc biệt” - quân đội chính quyền Sài Gòn, áp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc
 - * “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ phá sản
 - * Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam.

* Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên

7. Hoàn cảnh lịch sử 1965 -1975

1965, Thất bại trong “Chiến tranh đặc biệt” để cứu vãn tình hình

- Mỹ thực hiện “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam

- Hùng hổ đưa không quân và hải quân đánh miền Bắc

8. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

- Chiến tranh lan rộng ra cả nước → đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng

* Nghị quyết Trung ương 11 (3/1965) và Nghị quyết Trung ương 12 (12/1965)

- NQTW 12 “Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi”

9. Nghị quyết Trung ương 11 (3/1965) và Nghị quyết Trung ương 12 (12/1965)

- Trang 207 giáo trình

- Quyết tâm chiến lược

- Mục tiêu chiến lược:

- Phương châm chỉ đạo chiến lược :

- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam

- Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc

- Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của 2 miền

* Nám vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH

10. Thực hiện đường lối của Đảng ở miền Bắc

Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá của ĐQ Mỹ

- Cao trào chống Mỹ cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu:

- + PT “Ba săn sàng”, “Ba đầm đang”, “tay cày, tay súng”, “tay búa, tay súng”...

- + “Nhắm thắng quân thù mà bắn”

- Chi viện miền Nam về sức người, sức của

* Công cuộc xây dựng CNXH vẫn tiếp tục, miền Bắc ngày càng vững mạnh

* Hoàn thành xuất sắc vai trò hậu phương của miền Nam

11. Đánh bại Chiến lược chiến tranh Cục Bộ của Mỹ - Ngụy (Miền Nam)

- Trận Núi Thành → Ta hoàn toàn có khả năng đánh Mỹ

- Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi - 8/1965) → Mở ra cao trào tìm Mỹ mà đánh, tìm Ngụy mà diệt trên toàn miền Nam

12. Thực hiện Đường lối của Đảng ở miền Nam

- Mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 (ĐQ Mỹ: “Tim diệt” + “Bình định”)

- * Chiến thắng Núi Thành, Vạn Tường,...

- Ta giành thế chủ động trên chiến trường

- Cuối 1967 (“Chiến tranh cục bộ” đến đỉnh cao)

- Mở Mặt trận ngoại giao (HNTW 13 - 1967)

- Chiến tranh cách mạng → Tống công kích - tống khói nghĩa
→ Tống tiến công Tết Mậu Thân 1968

13. Kết quả thực hiện đường lối của Đảng

Thắng lợi ở miền Nam

Đánh thắng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần I

* Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bị phá sản

→ Mỹ ngừng phá hoại miền Bắc (1/11/1968)

→ Đàm phán - Hội nghị Paris (13/5/1958)

14. Kết quả thực hiện đường lối của Đảng ở miền Bắc

Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

* Trận “Điện Biên Phủ trên không” (1972) đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của ĐQ Mỹ (Chiến tranh phá hoại lần 2)

* Chính phủ Mỹ tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại và trở lại bàn đàm phán ở Paris

15. Kết quả thực hiện đường lối của Đảng ở miền Nam

Đế quốc Mỹ thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”

* Đảng ta → “Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”

* Hiệp định Pari được ký kết (27/1/1973) → Mỹ phải chấm dứt chiến tranh Việt Nam

* HNTW21 (7/1973): Giữ vững đường lối chiến lược tiến công

* Hội nghị Bộ Chính trị (cuối 1974 - đầu 1975) Chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam

16. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của ĐQ Mỹ (1969 - 1975)

- Dùng người Việt đánh người Việt
- Cố gắng giành thắng lợi lớn về quân sự

17. Hội nghị Pari

4 năm 9 tháng:

- 202 phiên họp công khai
- 45 cuộc họp riêng
- 500 cuộc họp báo
- 1000 cuộc phỏng vấn

* Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (27/1/1973)

18. Tống tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975

- 4 - 24/3/1975 CD Tây Nguyên

- 21/3 - 3/4 /1975 CD Huế - Đà Nẵng

- 26 - 30/4/1975 CD Hồ Chí Minh

19. Ý nghĩa thắng lợi thời kỳ 1954 - 1975

Trong nước

- Quét sạch ngoại xâm thống nhất Tổ quốc

- Hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước
- Tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam
- Nâng cao uy tín cho Đảng và dân tộc Việt Nam
- Đe lại nhiều kinh nghiệm cho giai đoạn sau

Quốc tế

- Làm phá sản các chiến lược của đế quốc Mỹ
- Cỗ vũ phong trào cách mạng thế giới
- Mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho cách mạng thế giới

20.Nguyên nhân thắng lợi thời kỳ 1954 – 1975

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng
- Miền Nam thành đồng Tổ quốc
- Nhân dân thế giới, Liên Xô, Trung Quốc
- Đoàn kết Việt Nam - Lào - Campuchia
- Hậu phương miền Bắc XHCN

21.Bài học kinh nghiệm thời kỳ 1954 – 1975

- Giuong cao 2 ngọn cờ (tiêu biểu)
- Xây dựng lực lượng cách mạng Đảng
- Phương pháp cách mạng
- Sự chỉ đạo của Trung ương
- Tin dân chiến lược thành công

Chương 3

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước 1975 - 1981

- Hội nghị lần 24 BCH Trung ương Đảng khóa III (8/1975) → đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH
- 27/10/1975, Ủy ban thường vụ Quốc hội họp phiên đặc biệt → bàn về chủ trương, biện pháp thống nhất 15-21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc
- 24/6 - 3/7/1976 kỳ họp thứ nhất Quốc hội nước Việt Nam thống nhất

2. Kỳ họp thứ nhất Quốc hội nước Việt Nam thống nhất

Từ ngày 24/6 - 3/7/1975 tại Thủ đô Hà Nội

- Tên nước: Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Quốc kỳ: nền đỏ sao vàng 5 cánh
- Thủ đô: Hà Nội
- Quốc ca: bài Tiến quân ca
- Quốc huy: mang dòng chữ CHXHCN Việt Nam
- Sài Gòn đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh
- Tôn Đức Thắng làm chủ tịch nước
- Thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 - 20/12/1976)

- Báo cáo chính trị
- Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) Báo cáo tổng kết xây dựng Đảng
- Đảng Lao động Việt Nam → Đảng Cộng sản Việt Nam + Sửa đổi Điều lệ Đảng

4. Các vấn đề chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 – 20/12/1976)

- 3 đặc điểm lớn của CMVN
- Xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới
- Xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế
- Phương hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976 - 1980)

5.3 đặc điểm lớn của CMVN được nêu trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 - 20/12/1976)

- Nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phô biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN (Trọng điểm)
- Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên CNXH với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và

tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt

6. Xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới được nêu trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 - 20/12/1976)

(Chuyên chính vô sản)

- Nâng đỡ chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân
- Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng
 - Cách mạng về quan hệ sản xuất
 - Cách mạng khoa học - kỹ thuật (then chốt)
 - Cách mạng tư tưởng và văn hóa
- Nhận thức mới của Đảng về CNXH có 4 đặc trưng cơ bản
 - Xây dựng nền chế độ làm chủ tập thể XHCN
 - Nền sản xuất lớn
 - Nền văn hóa mới
 - Con người mới XHCN

7. Xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế được nêu trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 - 20/12/1976)

- Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý (Giống ĐH III) trên cơ sở Phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ

8. Phương hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa (1976 - 1980) được nêu trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 – 20/12/1976)

- Bảo đảm của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH
- Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng , phát triển nền văn hóa mới
- Tăng cường nhà nước XHCN, phát huy vai trò của các đoàn thể
- Coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội
- Coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô
- Nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

9. Kết quả của Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV (14 – 20/12/1976)

- * Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH

Tuy nhiên:

- Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc
- Tư tưởng nóng vội, chủ quan

10. Thực hiện Đại hội IV về kinh tế

- HNTW6 (8/1979) bước đột phá đầu tiên về kinh tế (Mốc đánh dấu sự khai mở một số yếu tố của kinh tế thị trường)
- Chỉ thị 100 - CT/TW (Khoán 100) (13/1/1981 - Ban Bí thư TW) NĐ 25/CP (21/1/1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đánh dấu sự đổi mới một bước cơ chế quản lý nông nghiệp
- NĐ 26/CP(21/1/1981)
 - Phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh + tư chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh
 - Mở rộng hình thức lương khoán, lương sản phẩm, tiền lương.

11.Hội nghị trung ương 6 Khóa IV(8/1979)

Bước đột phá đầu tiên về kinh tế

→ Mốc đánh dấu sự khai mở một số yếu tố kinh tế thị trường

12.Cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc ở Biên giới Tây Nam

- 4/1975, tập đoàn Pôn Pôt tăng cường chống phá Việt Nam
- Cuối 12/1978, Chính quyền Pôn Pôt → tổng lực tiến công → xâm lược quy mô lớn → tiến sâu vào nội địa Việt Nam
- Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền lãnh thổ
- 26/12/1978, Quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công 7/1/1979, giải phóng Phnôm Pênh → đánh đổ tập đoàn Pôn Pôt
- 18/2/1979. Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác

13.Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia

- 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác
- Quân đội Việt Nam sang giúp Campuchia bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- Hành động chính nghĩa và xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng (được ghi trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc và đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận)

14.Cuộc chiến bảo vệ Tổ quốc ở Biên giới phía Bắc

- 17/2/1979, 60 vạn quân TQ → biên giới VN
- Tấn công toàn tuyến biên giới VN từ Lai Châu – Quảng Ninh
- Các tỉnh biên giới Việt Nam bị thiệt hại rất nặng nề CT Tôn Đức Thắng ra lệnh Tổng động viên toàn quốc
- VN được thế giới ủng hộ; kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc
- 5/3/1979 TQ tuyên bố rút quân, nhưng chưa từ bỏ hoạt động chống phá trên tuyến biên giới (đặc biệt là trên mặt trận Vị Xuyên, Hà Giang 12/7/1984)

15.Thành tựu kết quả 1975 – 1981

- Thành nhất về mặt nhà nước
- Chiến thắng 2 cuộc chiến tranh biên giới
- Khắc phục hậu quả chiến tranh

16. Hạn chế kết quả 1975 – 1981

- Phát triển kinh tế không đạt chỉ tiêu
- Đời sống người dân khó khăn
- Khắc phục hậu quả chiến tranh

17. Nguyên nhân hạn chế kết quả 1975 – 1981

- Điểm xuất phát nền kinh tế thấp
- Chiến tranh biên giới
- Chính sách bao vây, cấm vận
- Tư tưởng chủ quan, nóng vội

18. Đại hội đại biểu toàn quốc lần V (27 – 31/3/1982)

- Lê Duẩn làm tổng bí thư
- Nhận định tình hình Tình hình chiến lược Chặng đường đầu tiên
- Kế hoạch 5 năm 1981 – 1985

19. Đường lối Công nghiệp hóa trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần V (27 – 31/3/1982)

- Khái niệm: Chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ
- Nhiệm vụ: lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu + phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp nặng cần có mức độ, vừa sức, phục vụ cho công nghiệp nhẹ và nông nghiệp

20. Hội nghị trung ương 8 khóa V (6/1985)

- Bước đột phá thứ hai
- Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp
- Lấy giá – lương – tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh XHCN

21. Hội nghị bộ chính trị khóa V ((8/1986)

- Bước đột phá thứ ba

Kết luận đối với 1 số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế:

- Về cơ cấu sản xuất
- Về cải tạo XHCN
- Về cơ chế quản lý

22. 3 thành tựu nổi bật trong giai đoạn 1975 – 1986

- Thống nhất nước nhà về mặt
- Nhà nước Trong xây dựng CNXH
- Thành lợi trong bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế

23. 4 khuyết điểm cơ bản trong giai đoạn 1975 - 1986

- Không hoàn thành các mục tiêu của Đại hội IV, V
- Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài
- Đất nước bị bao vây, cô lập
- Đời sống nhân dân khó khăn, lòng tin với Đảng, Nhà nước, chế độ giảm sút nghiêm trọng

24. Đại hội VI (12/1986)

- Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư
- Đổi mới trong tất cả các lĩnh vực
- Đại hội đầu tiên nêu ra chính sách xã hội
- Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật “đổi mới hay là chết”
- Đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm 1975 – 1986
- Đặc biệt về kinh tế là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chủ quan
- Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường

26.5 phương hướng phát triển kinh tế Đại hội VI (12/1986)

- Bố trí lại cơ cấu sản xuất, tập trung vào nông nghiệp
- Tạo ra 1 cơ cấu kinh tế hợp lý, chú trọng 3 chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng hàng xuất khẩu
- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư
- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế
- Nhiều thành phần kinh tế
- Mở rộng nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại

27. Đại hội VI (12/1986) về chính sách xã hội (lần đầu đưa ra khái niệm chính sách XH)

- Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động
- Thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của ND
- Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

28. Về xây dựng Đảng

- Đổi mới tư duy (trước hết là tư duy kinh tế), đổi mới công tác tư tưởng
- Đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng
- Tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng
- Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”
- Tăng cường hiệu lực quản lí Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng

29. Thực hiện Đại hội VI (12/1986) về kinh tế - xã hội

- Luật đầu tư nước ngoài (12/1987)

- NQ 10 Bộ Chính Trị (Khoán 10 - 4/1988) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp
- Công nhận nhiều thành phần kinh tế
- Xóa bỏ chế độ tem phiếu, bao cấp

30. Thực hiện Đại hội VI (12/1986) về chính trị

HNTW6 khóa VI (3/1989)

* Lần đầu khái niệm “Hệ thống chính trị” thay thế “Thể chế chính trị”(chuyên chính vô sản)

(Hệ thống chính trị được xác định lần đầu năm 1945)

31. Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3/1989)

Khái niệm “Hệ thống chính trị” Đề ra 6 nguyên tắc chỉ đạo

- Đặt lên CNXH là con đường tất yếu
- CN Mác – Lê nin là nền tảng tư tưởng của Đảng
- Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị
- Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- Xây dựng nền dân chủ XHCN là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng XHCN
- Chủ nghĩa yêu nước + Chủ nghĩa quốc tế vô sản + Chủ nghĩa quốc thể XHCN, Sức mạnh dân tộc + Sức mạnh thời đại

32. Thực hiện Đại hội VI (12/1986) về đối ngoại

- Nghị quyết số 13 - NQ/ TW của Bộ Chính trị (5/1988) về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới - đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng
- Quân Tỉnh Nguyên Việt Nam rút khỏi Campuchia (9/1989)
- Từ năm 1990, Đảng chủ trương mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi

33. Nghị quyết số 13 - NQ/ TW của Bộ Chính trị (5/1988)

nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới

* Đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng

34. Thực hiện Đại hội VI (12/1986) về xây dựng Đảng

HNTW 6 (3/1989) + HNTW 8 (3/1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng

- Đổi mới tư duy (nhất là tư duy kinh tế)(trọng tâm)
- Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng
- Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ
- Đổi mới và tăng cường xây dựng mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân

33. Đại hội VII (24 - 27/6/1991)

- Đỗ Mười làm tổng bí thư

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH
- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến 2000
- Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới

34. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được thông qua trong Đại hội VII (24 – 27/6/1991)

- Hay gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991
- 5 bài học lớn
- 6 đặc trưng XHCN
- * Mô hình mới Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 7 phương hướng lớn xây dựng CNXH

35. 6 đặc trưng trong Cương lĩnh năm 1991

- Do nhân dân lao động làm chủ
- Có 1 nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hướng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới

36. Chủ trương đối ngoại Đại hội VII (6/1991)

- Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với các nước trên thế giới không phân biệt chế độ xã hội
- “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế, phần đầu vì hòa bình độc lập và phát triển”

37. Ý nghĩa Cương lĩnh năm 1991

- Giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH
- Đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển

38. Ý nghĩa Đại hội VII (6/1991)

- Lần đầu tiên giương cao ngọn cờ Tư Tưởng Hồ Chí Minh Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết Hiến pháp năm 1992 (4/1992)

39. Thực hiện nghị quyết Đại hội VII (6/ 1991)

- HNTW 7 (1994) ⇒ mục tiêu lâu dài Công Nghiệp hóa, Hiện đại hóa
- Trở thành nước công nghiệp theo định hướng XHCN HNTW 3 (6/1992)
- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia
- Rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại
- Tự đổi mới và chỉnh đốn Đảng (Lần đầu tiên) Nghị quyết 7 - NQ/TW của Bộ

Chính trị (17/11/1993)

40. Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (1994)

Mục tiêu lâu dài Công Nghiệp hóa, Hiện đại hóa (Khái niệm mới)

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại
 - Cơ cấu kinh tế hợp lý
 - Quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất
 - Mức sống vật chất và tinh thần cao
 - Quốc phòng an ninh vững chắc
 - Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
- Trở thành nước công nghiệp theo định hướng XHCN

41. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII (6/1992)

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia

- Chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”
- Bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- Rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại
- Tự đổi mới và chỉnh đốn Đảng (Lần đầu tiên)
- Xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng
- Chính đốn Đảng về tổ chức, và tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ
- Đổi mới và tăng cường công tác dân vận
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

42. Nghị quyết 7 - NQ/TW của Bộ Chính trị (17/11/1993)

- Đại đoàn kết dân tộc, tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất
- Mục tiêu chung: Vì lợi ích chung của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai

43. Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng (1/1994)

- Lần đầu tiên khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam HNTW 8 khóa VII (1/1995) → cụ thể hóa chủ trương

44. Hội nghị Trung ương 8 khóa VII (1/1995)

Cụ thể hóa chủ trương

- Xây dựng NNQP XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do ĐCS Việt Nam lãnh đạo
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp
- Tăng cường pháp chế XHCN

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng

II. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986 – nay)

1. Đại hội VIII (28/6 – 1/7/1996)

- Đỗ Mười làm tổng bí thư
- Mục tiêu xây dựng CNXH ở Việt Nam: Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh
 - 6 bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới
 - Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội
 - Đẩy mạnh CNH, HDH đất nước

2. Thực hiện nghị quyết đại hội VIII (1996) về kinh tế

- Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư
- Giải quyết lao động việt làm, xóa đói, giảm nghèo
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân

3. Thực hiện nghị quyết đại hội VIII (1996) về chính trị

- HNTW 3 (6/1997) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh
- Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HDH đất nước
- Chỉ thị 30 CT/TW (2/1998) về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở
- HNTW 6 lần 2 (2/1999) về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng

4. Thực hiện nghị quyết đại hội VIII (1996) về văn hóa – giáo dục HNTW 2 (12/1996) coi GD – ĐT cùng KH và CN là quốc sách HNTW 5 (7/1998) xây dựng và phát triển văn hóa

5. Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12/1996)

- Coi trọng giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội

6. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (7/1998)

- Đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Với quan điểm:
“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”

7. Đại hội IX (19 - 22/4/2001)

- Tổng bí thư Nông Đức Mạnh
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010
- Xác định rõ những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước
- Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH

- Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

- Về chính sách đối ngoại

8. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010 Đại hội IX (2001)

- Mục tiêu tổng quát: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành 1 nước Công nghiệp theo hướng hiện đại

9. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước Đại hội IX (2001)

Đấu tranh giai cấp

- Thực hiện thắng lợi sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng XHCN

- Thực hiện công bằng xã hội

- Đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái

- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch

- Bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh(Động lực chủ yếu phát triển đất nước)

- Đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công - nông - trí

10. Mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH Đại hội IX (2001)

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường: là 1 kiểu tổ chức kinh tế

- vừa tuân theo quy luật kinh tế thị trường

- vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH

Tính “định hướng”

- Sở hữu

- Tổ chức quản lý

- Phân phối

11. Đối ngoại Đại hội IX (2001)

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, thực hiện nhất quán đường lối độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa

- “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”

12. Đại hội X (18 – 25/4/2006)

- Đồng chí Nông Đức Mạnh làm tổng bí thư

- Chủ đề Đại hội: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển.

- Tổng kết 1 số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới → 5 bài học cần thiết

- Bổ sung 2 đặc trưng mới của CNXH Những điểm mới đổi bật

13. Bổ sung 2 đặc trưng mới của CNXH tại Đại hội X (2006)

- Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh
- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng

14. Những điểm mới đột bật tại Đại hội X (2006)

- Xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt hàng đầu và cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân
- Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tìm sự đồng thuận cho toàn dân tộc
- Đầu mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

15. Hội nghị trung ương 8 khóa X (2007)

- NQ 8 - NQ/TW (2/2007) về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO → Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng XHCN, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh + coi hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân
 - 11/2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới WTO

16. Đại hội XI (12 – 19/1/2011)

- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng làm tổng bí thư
- Chủ đề đại hội: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại
- Quá trình CMVN và những bài học kinh nghiệm
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển 2011) ⇒ Quá độ lên CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp
- Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại
- Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

17. Bối cảnh quốc tế được nêu ra trong Quá độ lên CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp (Cương lĩnh 2011)

- 8 phương hướng cơ bản
- 8 mối quan hệ lớn
- Mô hình, mục tiêu:
 - Xã hội xã hội chủ nghĩa
 - Bổ sung 2 đặc trưng
 - + Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- + Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

18.Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội được nêu ra trong Quá độ lên CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp (Cương lĩnh 2011)

- Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển
- Giáo dục và đào tạo + khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu
- Bảo vệ môi trường
- Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội
- Xây dựng 1 cộng đồng xã hội văn minh

19.Những định hướng lớn về đối ngoại được nêu ra trong Quá độ lên CNXH ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp (Cương lĩnh 2011)

- Đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển Đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
- Vì lợi ích quốc gia, dân tộc
- Là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế

20.Chỉ thị số 3 (5/2011) của Bộ Chính trị

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

21.Hội nghị Trung ương 4 khóa XI(1/2012)

- Kết luận: Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí Nghị quyết 12 NQ/TW – Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay

22.Hội nghị Trung ương 8 khóa XI (11/2013)

- NQ 29 – NQ/TW – về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

23.Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (2014)

- NQ 33 - NQ/TW - về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước
- Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước
- Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội
- Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học

24. Đại hội XII (20 – 28/1/2016)

- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục làm tổng bí thư Là đại hội “Đoàn kết – Dân chủ - Kỷ cương – Đổi mới”

Chủ đề đại hội: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại ⇒ Quốc phòng, an ninh được nâng cao

25. **Những định hướng lớn về đổi ngoại đc nêu ra tại Đại hội XII (2016)**

- Bảo đảm tối ta lợi ích quốc gia dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế

26. **Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (5/2017)**

- Chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- NQ 12 NQ/TW - về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước
- NQ 10 NQ/TW - về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội hội chủ nghĩa

27. **Chỉ thị 5 - CT/TW (5/2016) Bộ Chính trị**

- Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

28. **Hội nghị Trung ương 4 Khóa XII (10/2016)**

- NQ 4 – NQ/TW – về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ

29. **Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV (2018)**

- Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã được bầu giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021

30. **Đại hội XIII (25/1 - 1/2/2021)**

- Đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục làm tổng bí thư
- Là đại hội “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển”
- Chủ đề đại hội: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng XHCN
- Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII + Đánh giá 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020
Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 – 2025)
Mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến 2045

31.Những định hướng lớn về đối ngoại được nêu ra tại Đại hội XIII (2021)

- Bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở hiến chương Liên Hiệp Quốc và luật pháp quốc tế Là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế
- Hội nhập quốc tế trọn vẹn và sâu rộng

32.Mục tiêu cụ thể được nêu ra tại Đại hội XIII (2021)

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua thu nhập trung bình thấp
 - Đến năm 2030: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao
 - Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao
- * 6 nhiệm vụ trọng tâm

33.Vai trò các lĩnh vực được xác định tại Đại hội XIII (2021)

- Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm Xây dựng Đảng là then chốt
- Phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần
- Bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên

Ôn

1. Thời gian diễn ra đại hội

Đại hội thành lập Đảng 1930 Hồng Kông (Trung Quốc) Đại hội I 1935 Ma Cao (Trung Quốc)

Đại hội II 1951 ⇒ đại hội đầu tiên được tổ chức tại VN

Đại	hội	196
III		0
Đại	hội	197
IV		6
Đại	hội	198
V		2
Đại	hội	198
VI		6
Đại	hội	199
VII		1
Đại	hội	199
VIII		6
Đại	hội	200
IX		1
Đại	hội	200
X		6
Đại	hội	201
XI		1
Đại	hội	201
XII		6
Đại	hội	202
XIII		1

2. Tổng bí thư qua các đại hội

Hội nghị lần I (1930) Đồng chí Trần Phú
Đại hội I (1935) Đồng chí Lê Hồng Phong
Tháng 7/1936, đồng chí Hà Huy Tập Tháng 3/1938, đồng chí Nguyễn Văn Cừ
Đại hội II (1951) Đồng chí Trường Chinh
Đại hội III (1960) Đồng chí Lê Duẩn
Đại hội IV (1976) Đồng chí Lê Duẩn
Đại hội V (1982) Đồng chí Lê Duẩn
Đại hội VI (1986) Đồng chí Nguyễn Văn Linh
Đại hội VII (1991) Đồng chí Đỗ Mười
Đại hội VIII (1996) Đồng chí Đỗ Mười
Đại hội IX (2001) Đồng chí Nông Đức Mạnh
Đại hội X (2006) Đồng chí Nông Đức Mạnh
Đại hội XI (2011) Đồng chí Nguyễn Phú Trọng
Đại hội XII (2016) Đồng chí Nguyễn Phú Trọng
Đại hội XIII (2021) Đồng chí Nguyễn Phú Trọng

3. Nhiệm vụ chính qua các kỳ đại hội

Đại hội I (1935) Củng cố hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước đến nước ngoài.
Khôi phục tổ chức, thống nhất các phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng
Đại hội II (1951) Đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn.

Đại hội kháng chiến, kiến quốc

Đại hội III (1960) Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.

Đại hội IV (1976) Hàn gắn vết thương chiến tranh, từng bước khôi phục, phát triển đất nước.

Đại hội V (1982) Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội VI (1986) Thực hiện đổi mới đất nước

Đại hội VII (1991) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đưa đất nước đi theo con đường đổi mới.

Đại hội VIII (1996) Thực hiện đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX (2001) Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Đại hội X (2006) Huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển

Đại hội XI (2011) Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đẩy mạnh toàn diện

công cuộc đổi mới đất nước

Đại hội XII (2016) Đoàn kết - Dân Chủ - Kỷ cương - Đổi mới

Đại hội XIII (2021) Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển

4. Chủ đề đại hội

Đại hội X (2006) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển.

~~Đại hội XI (2011) Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.~~

Đại hội XII (2016) Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ XHCN, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

~~Đại hội XIII (2021) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa~~

5. Bước đột phá về kinh tế

Bước đột phá đầu tiên: HNTW 6 khóa IV (1979) Bước đột phá thứ hai: HNTW 8 khóa V (1985)

Bước đột phá thứ ba: Hội nghị bộ chính trị khóa V (1986)

6. Đặc trưng Chủ nghĩa xã hội qua các đại hội

Đại hội IV : 4 đặc trưng Đại hội VII: 6 đặc trưng Đại hội X: 8 đặc trưng Đại hội XI:
8 đặc trưng

7. Chủ trương đối ngoại qua các đại hội

Đại hội VII

Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với các nước trên thế giới không phân biệt chế độ xã hội

“Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế, phấn đấu vì hòa bình độc lập và phát triển”

Đại hội IX

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

“Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”

Đại hội X

Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

“Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế” Đại hội

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

“Là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” Vì lợi ích quốc gia, dân tộc

Đại hội XII

Bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế Đại hội XIII

Là bạn, đối tác tin cậy và là thành viên tích cực có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế

Bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở hiến chương Liên Hiệp Quốc và luật pháp quốc tế Hội nhập quốc tế trọn vẹn sâu rộng

8. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại hội thành lập Đảng
9. Luận cương chính trị được thông qua tại
Hội nghị lần I (1930)
10. Đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương
Hội nghị lần I (1930)
11. Đại hội Đảng I (1935)
* 3 nhiệm vụ trước mắt
* Thông qua nghị quyết chính trị, điều lệ Đảng
- 11/1939, Hội nghị BCH TW Đảng lần VI → Bắt đầu chủ trương chiến lược mới
- 11/1940, Hội nghị BCH TW Đảng lần VII
- 5/1941, Hội nghị BCH TW Đảng lần VIII → Hoàn chỉnh chủ trương chiến lược mới
12. Đảng ta lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam tại
Đại hội II (1951)
13. Chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng và xây dựng Đảng lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội II (1951)
14. Khởi xướng Cải cách ruộng đất tại miền Bắc Việt Nam được nêu ra
Đại hội II (1951)
15. Sử dụng bạo lực cách mạng lần đầu tiên được nêu ra
HNTW15 mở rộng (1/1959)
→ Phong trào Đồng Khởi
16. Đại hội quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch mỗi năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Đại hội III (1960)
17. Đề ra đường lối cách mạng của cả nước và nhiệm vụ riêng cho cách mạng 2 miền
được nêu
Đại hội III (1960)
Xây dựng Chủ nghĩa Xã hội ở miền Bắc, tiến hành Cách mạng Dân tộc Dân chủ ở
miền Nam.
18. Đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội
Đại hội IV (1976)
19. Đại hội đầu tiên sau thống nhất
Đại hội IV (1976)
20. Đặc điểm then chốt của cách mạng Việt Nam được nêu ra tại Đại hội IV (1976)
Nền kinh tế lạc hậu bỏ qua TBCN — CNXH
21. Cuộc cách mạng then chốt được xác định trong đường lối của CMXHCN tại Đại
hội IV (1976)
Cách mạng khoa học - kỹ thuật
22. Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp được nêu ra

HNTW 8 khóa V (1985)

23. Chặn đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội V (1985)

24. Coi Nông Nghiệp là mặt trận hàng đầu lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội V (1985)

25. Khởi xướng chính sách đổi mới được nêu ra
Đại hội VI (1986)

26. Chính sách xã hội lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội VI (1986)

27. Khái niệm “Hệ thống chính trị” lần đầu tiên được nêu ra
HNTW 6 khóa VI (1989)

28. Nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới - đánh dấu sự đổi mới tư duy
quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng lần đầu
tiên được nêu ra

- NQ 13 - NQ/TW của Ban Chính trị (1988)
29. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được nêu ra tại
Đại hội VII (1991)
Sửa đổi bổ sung Đại hội XI (2011)
30. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH
5 bài học lớn
6 đặc trưng XHCN
7 phương hướng xây dựng CNXH
31. Tư Tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lê nin lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội VII (1991)
32. Xác định rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng HCM lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội IX (2001)
33. Khái niệm Đổi mới và chỉnh đốn Đảng lần đầu tiên được nêu ra
Hội nghị trung ương 3 khóa VII (1992)
34. Khái niệm Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, vì dân lần đầu tiên
được nêu ra
Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng (1994)
* Cụ thể hóa ở HNTW 8 khóa VII (1995)
35. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội VII (1991)
36. Khái niệm Công nghiệp hóa - hiện đại hóa lần đầu tiên được nêu ra
Hội nghị trung ương 7 khóa VII (1994)
37. Đẩy mạnh CNH - HĐH tại đại hội
Đại hội VIII (1996)
38. Hội nhập kinh tế quốc tế lần đầu tiên được nêu ra
Đại hội VIII (1996)
39. Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được nêu ra
Hội nghị trung ương 5 khóa VIII (1998)
40. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển
bền vững đất nước
được nêu ra
Nghị quyết số 33 - NQ/TW tại Hội nghị Trung ương 9 Khóa XI (2014)
41. Giáo dục - đào tạo cùng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu lần đầu tiên
được nêu ra
Hội nghị trung ương 2 khóa VIII (1996)
42. Mục tiêu xây dựng CNXH ở VN tại Đại hội VIII (1996)
Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh
43. Đặc trưng CNXH tại Đại hội X (2006)
Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh

44. Đặc trưng CNXH tại Đại hội XI (2011)

Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

45. Khái niệm “đấu tranh giai cấp” lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội IX (2001)

46. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội IX (2001)

47. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội X (2006)

48. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do

ĐCS lãnh đạo lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội XI (2011)

49. Xác định, xây dựng chính đốn Đảng lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội X (2006)

50.Đảng viên được làm kinh tế tư nhân lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội X (2006)

51.Đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức lần đầu tiên được nêu ra

Đại hội X (2006)

52.Khai niệm văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội lần đầu tiên được nêu ra

Nghị quyết số 33 - NQ/TW tại Hội nghị Trung ương 9 Khóa XI (2014)

53.Các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học lần đầu tiên được nêu ra

Nghị quyết số 33 - NQ/TW tại Hội nghị Trung ương 9 Khóa XI (2014)

54.Lĩnh vực quốc phòng, an ninh lần đầu tiên được chú trọng

Đại hội XII(2016)

55.Khai niệm Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được nêu ra

Nghị quyết số 10 - NQ/TW tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (2017)

56.Khai niệm phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên lần đầu tiên được nêu ra Đại hội XIII (2021)